

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2462/QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2015

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giới: S.....
	Ngày: 9/1/16

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng Tổ quốc ghi công

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 04/2012/UBTVQH ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 112/TTr-LĐTBXH ngày 23 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng Tổ quốc ghi công cho 94 liệt sĩ thuộc Bộ Quốc phòng và 16 tỉnh: Bắc Ninh, Bến Tre, Bình Thuận, Lạng Sơn, Nam Định, Ninh Bình, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Sóc Trăng, Sơn La, Thái Bình, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ LĐ -Thương binh và Xã hội;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Khắc Định, TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), Hùng 10 b.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



DANH SÁCH
LIỆT SĨ ĐƯỢC CẤP BẰNG “TỔ QUỐC GHI CÔNG”
(Kèm theo Quyết định số 1462 /QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2015
của Thủ tướng Chính phủ)

BỘ QUỐC PHÒNG

1. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Huân

Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1968.

TỈNH BẮC NINH

2. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tuấn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 5 năm 2015.

TỈNH BẾN TRE

3. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Khánh*

Thành ủy viên, nguyên quán: xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1971.

4. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tường*

Chủ tịch xã, nguyên quán: xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 1983.

5. Liệt sĩ: Lê Văn Diệt*

Cán sự nông hội ấp, nguyên quán: xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1961.

6. Liệt sĩ: Dương Văn Út (Đường Văn Út)*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1961.

7. Liệt sĩ: Lê Văn Hoàng*

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 03 năm 1969.

8. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Gấm*

Đội viên du kích xã, nguyên quán: xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1968.

TỈNH BÌNH THUẬN

9. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quang

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 2014.

TỈNH LẠNG SON

10. Liệt sĩ: Lục Văn Tạo

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 65%), nguyên quán: xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 10 năm 2013.

TỈNH NAM ĐỊNH

11. Liệt sĩ: Lưu Văn Đoàn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hồng Quang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 5 năm 2014.

12. Liệt sĩ: Hoàng Trung Sơn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 06 tháng 4 năm 2015.

13. Liệt sĩ: Trần Thanh Hà

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), trú quán: xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 02 năm 2015.

14. Liệt sĩ: Nguyễn Quang Sáng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 02 năm 2013.

15. Liệt sĩ: Phạm Văn Chứ

Đội viên du kích xã, nguyên quán: xã Yên Khánh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 5 năm 1953.

16. Liệt sĩ: Phạm Văn Cờ

Đội viên du kích xã, nguyên quán: xã Yên Khánh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 4 năm 1950.

TỈNH NINH BÌNH

17. Liệt sĩ: Tạ Văn Ngoãn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 10 năm 2014.

18. Liệt sĩ: Trần Minh Vân

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhon, tỉnh Bình Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 3 năm 2015.

TỈNH PHÚ THỌ

19. Liệt sĩ: Đặng Trường Sơn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 4 năm 2013.

20. Liệt sĩ: Nguyễn Minh Phương

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 71%), nguyên quán: xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 7 năm 2015.

TỈNH PHÚ YÊN

21. Liệt sĩ: Nguyễn Hiền

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 01 năm 1962.

22. Liệt sĩ: Nguyễn Rinh

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 01 năm 1962.

23. Liệt sĩ: Thái Bơi

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 01 năm 1962.

TỈNH QUẢNG NAM

24. Liệt sĩ: Huỳnh Bốn*

Trung đội trưởng du kích xã, nguyên quán: xã Duy Hưng, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 11 năm 1972.

25. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Tặng*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 11 năm 1971.

26. Liệt sĩ: Thái Hường*

Cán bộ thôn, nguyên quán: xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 8 năm 1974.

27. Liệt sĩ: Võ Giác (Võ Đình Long)*

Huyện ủy viên, bí thư chi bộ Đội công tác huyện, nguyên quán: phường Điện An, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 02 năm 1967.

TỈNH QUẢNG NGÃI

28. Liệt sĩ: Tạ Thị Dưa

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972.

29. Liệt sĩ: Trần Văn Lênh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 88%), nguyên quán: xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 12 năm 2011.

30. Liệt sĩ: Nguyễn Thận*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 12 năm 1951.

31. Liệt sĩ: Phạm Thị Thắm*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 8 năm 1966.

TỈNH SÓC TRĂNG

32. Liệt sĩ: Trần Văn Khung*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 12 năm 1952.

33. Liệt sĩ: Võ Văn Quang*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 9 năm 1987.

34. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Út*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hưng Điền, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1962.

35. Liệt sĩ: Trần Văn Trọng*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 4 năm 1967.

36. Liệt sĩ: Võ Văn Mách*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1972.

37. Liệt sĩ: Bùi Thị Kim Tư*

Trung đội phó Công an huyện, nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 2 năm 1972.

38. Liệt sĩ: Trần Phong Lưu*

Cán bộ ban chấp hành nông dân huyện, nguyên quán: xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 9 năm 1970.

39. Liệt sĩ: Lê Văn Tròn*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969.

40. Liệt sĩ: Phạm Công Hồng*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: Thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 4 năm 1983.

TỈNH SƠN LA

41. Liệt sĩ: Lò Văn Do*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mường Chai, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972.

42. Liệt sĩ: Trần Quyết Thắng*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hạnh Phúc, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 01 năm 1973.

43. Liệt sĩ: Lò Văn Mẫn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mường Sại, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 8 năm 1984.

44. Liệt sĩ: Phạm Thọ Hành*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 03 năm 1966.

45. Liệt sĩ: Đèo Văn Hoa*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 9 năm 1972.

TỈNH THÁI BÌNH

46. Liệt sĩ: Nguyễn Duy Nhất

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Thụy Duyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 03 năm 1954.

47. Liệt sĩ: Nguyễn Thúy Hồng

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Thụy Duyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 10 năm 1952.

TỈNH THANH HÓA

48. Liệt sĩ: Lê Bá Thư*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Tâm, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1967.

49. Liệt sĩ: Lê Như Hồng*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1970.

50. Liệt sĩ: Lê Trọng Tri*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 4 năm 1970.

51. Liệt sĩ: Ngô Thị Nga*

Công nhân Ty Giao thông, nguyên quán: xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 6 năm 1972.

52. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đợi*

Đội phó đội cầu 1 Ty Giao thông vận tải Thanh Hóa, nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1972.

53. Liệt sĩ: Cao Minh Cương*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hoằng Đức, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1967.

54. Liệt sĩ: Lê Huy Thoan*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hoằng Đại, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1968.

55. Liệt sĩ: Lưu Ngọc Cống*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 4 năm 1968.

56. Liệt sĩ: Mai Văn Mạch*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hoằng Đạo, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 10 năm 1981.

57. Liệt sĩ: Nguyễn Hải Châu*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 31 tháng 01 năm 1976.

58. Liệt sĩ: Đỗ Minh Bảo*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tế Lợi, huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1971.

59. Liệt sĩ: Lê Xuân Được*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hà Ninh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1967.

60. Liệt sĩ: Nguyễn Viết Thu*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Vân, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 6 năm 1969.

61. Liệt sĩ: Phạm Văn Ứng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Lợi, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972.

62. Liệt sĩ: Lê Văn Khanh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1967.

63. Liệt sĩ: Hoàng Ngọc Làm*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Thành, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1967.

64. Liệt sĩ: Đỗ Văn Hội*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hoàng Trung, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 7 năm 1975.

65. Liệt sĩ: Bùi Văn Tiến*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 12 năm 1967.

66. Liệt sĩ: Hoàng Văn Khánh*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hoàng Lý, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 01 năm 1972.

67. Liệt sĩ: Nguyễn Bá Lạng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 6 năm 1969.

68. Liệt sĩ: Lê Sỹ Ban*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1966.

69. Liệt sĩ: Phạm Xuân Thế*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972.

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

70. Liệt sĩ: Hoàng Bế*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 5 năm 1968.

71. Liệt sĩ: Lê Đình Xuân*

Thượng sĩ Công an nhân dân, nguyên quán: xã Thủy Thanh, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 11 năm 1966.

72. Liệt sĩ: Lương Duy Kiệm*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1972.

73. Liệt sĩ: Lương Ngọc Đoan*

Phó đại đội trưởng chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 8 năm 1984.

74. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Tranh*

Chiến sĩ Công an vũ trang thành phố Huế, nguyên quán: xã Phú Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 02 năm 1969.

75. Liệt sĩ: Lê Đăng Huệ*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hương Văn, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 12 năm 1951.

76. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Cầm*

Đội viên Thanh niên xung phong, nguyên quán: xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1968.

77. Liệt sĩ: Bùi Dũng*

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1974.

78. Liệt sĩ: Nguyễn Minh Đình*

Công nhân Đội quyết tiến nông trường Lê Ninh, nguyên quán: xã Hương Xuân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1967.

79. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quảng*

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Hải, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1968.

80. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Công*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 12 năm 1981.

81. Liệt sĩ: Lê Viết Thanh*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phong Chương, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 8 năm 1979.

82. Liệt sĩ: Lê Văn Vỹ*

Đội viên du kích xã, nguyên quán: xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1949.

83. Liệt sĩ: Trần Đại Oanh*

Đội viên du kích thôn, nguyên quán: xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1966.

84. Liệt sĩ: Trần Châu*

Đội viên du kích xã, nguyên quán: xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1951.

85. Liệt sĩ: Hoàng Công*

Cán bộ an ninh xã, nguyên quán: xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1967.

86. Liệt sĩ: Hoàng Hiệu*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Diên Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1965.

TỈNH TUYỀN QUANG

87. Liệt sĩ: Bùi Khắc Tâm*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Gia Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 11 năm 1968.

88. Liệt sĩ: Trần Văn Trọng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1969.

89. Liệt sĩ: Nông Văn Tần*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phù Loan, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 2 năm 1968.

90. Liệt sĩ: Nông Văn Ngọc*

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Tuấn Lô, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 8 năm 1980.

91. Liệt sĩ: Bùi Huy Công*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 7 năm 1969.

92. Liệt sĩ: Hà Văn Cam*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 7 năm 1979.

93. Liệt sĩ: Ma Văn Kế*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1969.

94. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Duyên*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Gia Trường, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1954.

Ghi chú:

** Liệt sĩ có thân nhân đã được giải quyết chế độ trước ngày 01/01/1995. Tổng số: 73/94 trường hợp.*